

목록

1단원 인사

1과	Nǐ hǎo 你好.....	2
2과	wǒ jiào Míngming 我叫明明.....	6

2단원 세어 보기

3과	yī èr sān 一、二、三	12
4과	wǒ shíyī suì 我十一岁	16

3단원 나의 신체

5과	wǒ de yǎnjing 我的眼睛.....	22
6과	tā gèzǐ gāo 他个子高.....	26





4단원 우리 집

7과	Tā shì shéi 他是谁	32
8과	Wǒ de fángjiān 我的房间	36

5단원 교실에서

9과	Qǐng jìn 请进	42
10과	Wǒ yǒu shùbāo 我有书包	46

6단원 음식과 음료

11과	Nǐmen hē shénme 你们喝什么	52
12과	Jiǎozǐ hěn hăochī 饺子很好吃	56

새 단어	62
------------	----

복습	64
----------	----

